

ác liệt và gian khổ. “Báo tiếp” nằm trong chùm thơ chữ Hán của Người viết tại chiến khu Việt Bắc trong kháng chiến chống Pháp.

1. Hai câu đầu ghi lại cuộc đối thoại giữa **trăng** với thi **nhân**. Ngôn ngữ thơ tao nhã tự nhiên. Trăng có cử chỉ thân tình, đầy cửa sổ hỏi: “thơ xong chưa” (thi thành vị?) Chắc là mong đợi thơ sôi ruột nên mới hỏi như vậy? Thi nhân nhẹ nhàng xin

khất thơ. Lý do là “bận việc quân”. Trăng được nhân hóa trở thành bạn tri âm của thi sĩ. Người đang đối thoại với trăng là nhà quân sự mang cốt cách thi sĩ, nghĩa là bên “thanh gươm nghìn cân ra trận” còn có bầu rượu, túi thơ. Vốn yêu trăng nhưng không được rảnh rỗi để thưởng trăng vì suốt đêm ngày bận bịu việc quân.

Ý thơ “bận việc quân”, “bàn bạc việc quân” xuất hiện nhiều trong thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh thời kháng chiến. Lúc thì “Quân vụ nhưng mang vị tổ thi” (Báo tiếp). Lúc thì “Yên ba thâm xứ đàm quân sự” (Nguyên tiêu). Có trường hợp “Huê trương đăng sơn quan trận địa” (Đăng sơn). Có thể nói, cuộc đối thoại giữa trăng với thi nhân đã thể hiện một tâm hồn thơ tuyệt đẹp, một cuộc sống kháng chiến sôi nổi đầy chất thơ.

2. Câu 3 nói về lầu núi (sơn lâu), tiếng chuông (chung hưởng) và “thu mộng” (giấc mộng đêm thu). Thi liệu mang màu sắc

ước lệ, cổ điển. Vừa thực vừa mộng. Ngôi nhà sàn giữa núi rừng chiến khu Việt Bắc của Hồ Chủ tịch đi vào thơ đã trở thành

lầu núi (sơn lâu). Câu thơ dịch tuy bỏ mất chữ “núi” (sơn) nhưng khá hay:

“Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu”

Từ câu **chuyển** (3) về câu **hợp** (4) tứ thơ vận động biến hoá kỳ diệu: “Áy tin thắng trận Liên khu báo về” Đã có trăng đẹp.

Có giấc mộng đêm thu đẹp. Lại có thêm tin thắng trận từ tiền tuyến báo về. Thế là Bác đã có thơ, **một bài thơ đẹp, một bài**

thơ vui. Cấu trúc bài thơ rất độc đáo, thể hiện một bút pháp điêu luyện. Có thể nói đây là một bài thơ trăng đặc sắc của Hồ

Chí Minh. Màu sắc cổ điển và chất hiện đại lịch sử kết hợp một cách hài hòa đầy thi vị.

Ngoài tình yêu trăng, Người còn có niềm vui lớn, ấy là niềm vui thắng trận. Một hồn thơ đẹp. Bài thơ cho thấy phong thái

ung dung, tinh thần lạc quan của Bác Hồ trong kháng chiến gian khổ và ác liệt. Cảm hứng “thắng trận” là cảm hứng chủ đạo trong thơ Hồ Chí Minh thời chống Pháp và chống Mỹ xâm lược.

Tác giả và xuất xứ

1. Quang Dũng (1921 – 1988) tham gia kháng chiến, vừa làm lính đánh giặc vừa làm thơ. Một hồn thơ tài hoa, bút pháp lãng mạn. Tập thơ tiêu biểu nhất của ông: “Mấy đầu ô”, trong đó có bài “Tây Tiến” viết năm 1948.

2. Tây Tiến là phiên hiệu của một đơn vị quân đội ta được thành lập vào đầu năm 1947, gồm nhiều thanh niên học sinh Hà

Nội, chiến đấu trên núi rừng miền Tây Thanh Hóa, tỉnh Hòa Bình tiếp giáp với Sầm Nưa, Lào.

3. Sau hơn một năm chiến đấu trong đoàn binh Tây Tiến, Quang Dũng đi nhận nhiệm vụ mới, mùa xuân 1948, viết “Nhớ

Tây Tiến” sau đổi thành “Tây Tiến”.

Chủ đề

Bài thơ nói lên **nhớ nhớ và niềm tự hào** về đồng đội thân yêu, những chiến sĩ hào hoa, dũng cảm, giàu lòng yêu nước trong

đoàn binh Tây Tiến đã chiến đấu và hy sinh vì Tổ quốc.

Những vần thơ đáng nhớ

1. Dòng sông Mã và đoàn binh Tây Tiến gắn bó với tâm hồn nhà thơ bao nỗi nhớ chơi vui, nhớ mãi, nhớ không bao giờ

người:

“Sông Mã xa rồi Tây
Tiến ơi! Nhớ về rừng núi,
nhớ chơi vơi”

2. Nẻo đường hành quân chiến đấu vô cùng gian khổ. Phải vượt qua bao cồn mây, dốc thẳm, phải vượt qua những đỉnh

núi “ngàn thước lên cao...” phải lần bước trong đêm, trong màn mưa rừng. Lấy cái gian khổ vô cùng để ca ngợi bản lĩnh chiến đấu và chí can trường của đoàn binh Tây Tiến. Đó là một nét vẽ lãng mạn:

“Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”

3. Những kỷ niệm đẹp một thời trận mạc đã trở thành hành trang của người lính Tây Tiến. Nhớ hội đuốc hoa, nhớ “nàng e ấp”, nhớ “khèn man điệu”:

“Doanh trại bừng lên hội
đuốc hoa, Kìa em xiêm áo tự
bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ”

Nhớ hương vị núi rừng đậm đà tình quân dân. Nhớ “Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”. Nhớ cô gái miền Tây – bông hoa rừng một chiều sương cao nguyên Châu Mộc trên con thuyền độc mộc:

“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”

Những kỷ niệm đẹp ấy cho thấy tâm hồn trẻ trung, yêu đời, hồn nhiên, hào hoa của người chiến sĩ Tây Tiến. Đó cũng là

những nét vẽ lãng mạn đáng yêu.

4. Hình ảnh đoàn binh Tây Tiến được khắc họa bằng những chi tiết vừa hiện thực vừa lãng mạn. Ném trái nhiều gian khổ, thiếu thốn giữa chiến trường núi rừng ác liệt nên “quân xanh màu lá”, “không mọc tóc”. O ai phong lâm liệt trong lửa đạn: “mắt trừng” (hoán dụ), “dữ oai hùm” (ẩn dụ). Lạc quan và yêu đời với những giấc mộng và mơ tuyệt vời. Bao chiến sĩ đã ngã xuống trên chiến trường, **“đã về đất”** với manh chiếu – áo bào đơn sơ. Coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, sẵn sàng hiến dâng cả tuổi xanh, đời xanh cho Độc lập, tự do của Tổ quốc. Đoạn thơ như một tượng đài bi tráng về anh bộ đội Cụ Hồ, những người con thân yêu của Hà Nội đã “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”:

“Tây Tiến đoàn binh không
mọc tóc, Quân xanh màu lá dữ
oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua
biên giới Đêm mơ Hà Nội
dáng kiêu thom. Rải rác
biên cương mờ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành!”

5. Ý thơ cô “Nhất khứ bất phục hoàn” được Quang Dũng diễn tả rất hay, rất xúc động ở khổ cuối. Thương tiếc, tự hào, man mác:

“Tây Tiến người đi không
hẹn ước. Đường lên thăm
thẳm một chia phôi Ai lên

Tây Tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi”.

Tác giả và xuất xứ bài thơ

1. Hoàng Cầm - nhà thơ Kinh Bắc, nổi tiếng tài hoa. Có nhiều kịch thơ trước năm 1945: “Kiều Loan”; “Hận Nam Quan”,

“Lên đường”. Một số tập thơ, tiêu biểu nhất là “Mưa Thuận Thành”, “Về Kinh Bắc”...

Kháng chiến bùng nổ, Hoàng Cầm đi bộ đội, làm công tác văn nghệ trong Quân đội.

2. Một đêm tháng 4/1948, tại Việt Bắc, được trực tiếp nghe tin giặc đánh phá quê hương mình, Hoàng Cầm xúc động và

ngay đêm ấy viết bài thơ “Bên kia sông Đuống”, một trong những bài thơ hay nhất của ông.

Chủ đề

Bài thơ thể hiện tình *yêu mến, thương nhớ và tự hào* đối với quê hương kinh Bắc; *căm giận* quân xâm lược đang giày

xéo quê hương; *niềm tin* vào một ngày mai giải phóng, quê hương trở lại thanh bình.

Những tình cảm đẹp về quê hương và những câu thơ hay đáng nhớ

1. *Hai câu thơ mở đầu với tiếng “em” thân tình*. Không xác định. Có thể là người thương trong nỗi nhớ đồng vọng. Có

thể là một nhân vật trữ tình xuất hiện mơ hồ trong tâm tưởng thi nhân? Cũng có thể là sự phân thân của tác giả? “*Em*” xuất hiện, gọi nhớ gọi thương, để vổ về an ủi và chia sẻ nỗi đau buồn, thương nhớ. Cũng là để thi sĩ khơi nguồn cảm xúc đang dào

dạt trong lòng. Ý vị đậm đà chất thơ của bài “Bên kia sông Đuống” là ở tiếng “em” và 2 câu thơ này:

“Em ơi buồn làm chi

Anh đưa em về sông Đuống”

2. Dòng sông tuổi thơ

Với Hoàng Cầm thì sông Đuống là dòng sông thơ ấu với bao thương nhớ. Con sông đã gắn bó với tâm hồn nhà thơ. Nhớ không nguôi “cát trắng phẳng lì”, nhớ nao nao lòng “Sông Đuống trôi đi - Một dòng lấp lánh”; lấp lánh ánh bình minh, lấp lánh trắng sao soi vào gương sông trong xanh. Nhớ về dáng hình, về thể đứng của nó trong lịch sử: “Năm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ”. Câu thơ mang hàm nghĩa thể đứng hiên ngang của quê hương trong kháng chiến.

Đôi bờ dòng sông quê hương là một màu “xanh xanh” bát ngát, là sắc “biêng biếc” của bãi mía, bờ dâu, của ngô khoai. Bức tranh quê trù phú, giàu đẹp thật “nhớ tiếc” và “xót xa” vô cùng:

“Xanh xanh bãi mía bờ dâu

Ngô khoai biêng biếc

Đứng bên này sông sao nhớ tiếc

Sao xót xa như rụng bàn tay”

3. *Quê hương có nền văn hóa lâu đời đang bị quân thù giày xéo tàn phá*. Nhà thơ sử dụng nghệ thuật tương phản đối

lập để làm nổi bật nỗi nhớ tiếc, nỗi xót xa, nỗi đau đớn căm hờn... Tương phản *xưa* và *nay*, thương *bình yên* với *từ ngày*

khủng khiếp, đối lập giữa cảnh *tưng bừng rộn rã* với *bây giờ tan tác về đâu*...

- Giặc Pháp cướp nước là kẻ đã gây ra cảnh chém giết đau thương và điêu tàn khủng khiếp:

“Quê hương ta từ ngày

khủng khiếp Giặc kéo lên

ngùn ngụt lửa hung tàn

Ruộng ta khô

Nhà ta cháy

Chó ngộ một đàn

Lưỡi dài lê sắc máu...”

Xưa kia, vùng Thuận Thành, bên kia sông Đuống, quê hương thân yêu của nhà thơ là một vùng giàu đẹp, có hương lúa nếp “thơm nồng”, có làng tranh Đông Hồ nổi tiếng, sự kết tinh những tinh hoa văn hóa cổ truyền giàu bản sắc dân tộc:

“Bên kia sông Đuống
Quê hương ta lúa nếp thơm nồng
Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong
Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp”

Nay giặc kéo đến thì “Ruộng ta khô – Nhà ta cháy”, điêu tàn, tan tác, đau thương. Nỗi tang tóc trùm lên, đè nặng mọi kiếp người. Hạnh phúc và ước mơ bị giày xéo, bị chà đạp. Sự sống bị hủy diệt đến kiệt cùng:

“Kiệt cùng ngõ thẳm
bờ hoang. Mẹ con
đàn lợn âm dương
Chia lìa đôi ngả
Đám cưới chuột đang tung bừng rộn rã
Bây giờ tan tác về đâu”

Tranh Đông Hồ trong thơ Hoàng Cầm không chỉ là nét đẹp riêng rất tự hào của quê hương mình mà còn là một biểu tượng

của hạnh phúc, đoàn tụ, yên vui trong thanh bình, là nỗi đau trước sự tàn phá, điêu tàn, tan tác của một miền văn hóa lâu đời

thời máu lửa.

Thuận Thành, Kinh Bắc có núi sông mỹ lệ, chùa chiền thắng cảnh với bao lễ hội tung bừng mang theo bao huyền thoại, sự

tích thần kỳ, với những gác chuông, những tháp, những tượng Phật cổ kính bao đời nay. Chùa Phật Tích, núi Thiên Thai, chùa

Dâu, chùa Bút Tháp, tượng Phật Quan Âm nghìn mắt nghìn tay. Ca dao: “Dù ai đi đâu đi đâu - Cứ nhìn thấy tháp Chùa Dâu

mà về”. Tục ngữ: “Mông bảy hội Khám, mông tám hội Dâu, mông chín đâu đâu cũng về hội Gióng”. Phan Huy Chú đã viết trong “Lịch triều hiến chương loại chí”: “Kinh Bắc có mạch núi cao chót vót, nhiều sông quanh vòng, là mạn trên của nước ta... Mạch đất tốt tụ vào đây nên càng nhiều chỗ có dấu tích đẹp, tinh hoa hợp vào đây nên sinh ra nhiều danh thần”.

Trong chiến tranh, đưa con ly hương nhớ tiếc, xót xa quê hương:

“Ai về bên kia sông Đuống
Cho ta gửi tấm the đen
Mấy trăm năm tháp thoáng mộng bình yên
Những hội hè đình đám
Trên núi Thiên Thai
Trong chùa
Bút Tháp
Giữa huyện
Lang Tài
Gửi về may
áo cho ai
Chuông chùa vắng vắng nay người ở đâu”...

4. Nhớ con người quê hương

Nhớ sông Đuống, nhớ bãi mía bờ dâu, nhớ hương lúa nếp thơm nồng... Nhớ mãi, nhớ nhiều những hội hè đình đám, nhớ tranh gà lợn, nhớ giấy điệp. Nhớ núi Thiên Thai, nhớ chuông chùa ngân nga... Nhớ “nàng môi cắn chỉ quết trâu”, nhớ cụ già “phơ phơ tóc trắng”, nhớ “những em sột soạt quần nâu”. Nhớ bồi hồi “tùng khuôn mặt búp sen - Những cô hàng xén răng đen - Cười như mùa thu tỏa nắng”. Nhớ “những nàng dệt sợi – Đi bán lụa màu”... nhớ “Những người thợ nhuộm - Đồng

Tình, Huê Cầu...”.

Câu thơ “Bây giờ tan tác về đâu” và “Bây giờ đi đâu về đâu” được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, vừa gợi tả nỗi đau thương tan tác, vừa thể hiện nỗi nhớ ứa máu tươi, nỗi xót xa và căm giận lũ hung tàn cướp nước. Những câu thơ nói về nỗi thương nhớ đàn con thơ và mẹ già rất xúc động:

- Thương mẹ già:

“Mẹ ta lòng đói dạ sầu

Đường trơn mưa lạnh mái đầu bạc phơ”

- Thương đàn con thơ:

“Ngày tranh nhau một bát cháo ngô

Đêm lú riu chui gằm giường tránh đạn...”

5. *Quê hương chiến đấu*

Cảnh đón bộ đội về làng rất cảm động. Cuộc hội ngộ tình quân dân cũng là sự hồi sinh và niềm vui hạnh phúc:

“Lửa đèn leo lét soi tình mẹ,

Khuôn mặt bừng lên như rụng trăng”

Cảnh giết giặc: Dao lóe giữa chợ - Gậy lửa cuối thôn – Lúa chín vàng hoe, giặc mất hồn... Chúng mày phát điên – Quay cuồng như xéo trên đồng lúa”...

- Đồng quê quật khởi đứng lên:

“Mà cánh đồng ta còn chan chứa

Bao nhiêu nắng đẹp mùa xuân

Gió đưa tiếng hát về gần

Thợ cấy đánh giặc, dân quân cày bừa”

6. *Ngày hội non sông*

Hoàng Cầm viết bài thơ “Bên kia sông Đuống” vào năm 1948, lúc bấy giờ quê hương đất nước ta còn đầy bóng giặc, chân

trời thắng lợi còn xa vời. Phải gần 7 năm sau, ta mới có chiến thắng Điện Biên Phủ. Thế mà thi sĩ đã nói đến *ngày hội non sông*. Thơ kháng chiến hay nói đến “ngày mai”, một ngày mai thanh bình ca hát. Phải đổ biết bao xương máu, phải có ngàn

vạn chiến sĩ ngã xuống, nhân dân ta mới có “ngày mai” như các nhà thơ đã viết:

“Phải bao máu thấm trong lòng đất

Mới ánh hồng lên sắc tự hào?”

(Tố Hữu)

Vì vậy, ta có thể nói, phần cuối bài “Bên kia sông Đuống” rất hay. Cảm hứng lãng mạn dào dạt. Nhân vật “em” lại xuất hiện. Duyên dáng, trẻ trung, tình tứ. Niềm tin về một ngày mai tái hợp sáng bừng vẫn thơ:

“Bao giờ về bên kia sông Đuống

Anh lại tìm em

Em mặc yếm thắm

Em thắt lụa hồng

Em đi trải hội non sông

Cười mê ánh sáng muôn lòng xuân xanh”.

Kết luận

Cách chúng ta gần ba nghìn năm, nhà thơ Home (Hy Lạp) đã viết: “*Không có mảnh đất nào êm đềm bằng quê cha đất mẹ*”. Bài thơ “Bên kia sông Đuống” giúp ta cảm nhận sâu hơn ý tưởng của Hôme. Con sông Đuống và Thuận Thành, Kinh

Bắc là quê hương nhà thơ. Nhưng người đọc thấy vô cùng thân thiết gắn bó với mình. Cái ý vị, cái hay của bài thơ là ở chỗ

ấy. Câu thơ dào dạt theo cảm xúc rất hồn nhiên mà giàu nhạc điệu. Nhạc điệu ngọt ngào của dân ca Quan họ. Sâu lắng, thiết

tha, bồi hồi là âm hưởng, là sắc điệu trữ tình đã thấm sâu vào hồn ta tình yêu quê hương đất nước. *“Bên kia sông Đuống”*

xứng đáng là kiệt tác của thi ca Việt Nam hiện đại.

Tác giả

Tên tuổi Nguyễn Đình Thi gắn liền với những ca khúc như “Diệt phát xít”, “Người Hà Nội”, với tiểu thuyết “Xung kích”,

“Vỡ bờ”,... với một số vở kịch, với các tập thơ: “Người chiến sĩ”, “Dòng sông trong xanh”, “Tia nắng”,... Thành tựu nổi bật nhất của ông là thơ: cảm xúc dồn nén, hàm súc, ngôn ngữ và hình ảnh đầy sáng tạo, tính nhạc phong phú hấp dẫn...

Xuất xứ

Bài thơ “Đất nước” in trong tập thơ “Người chiến sĩ”. Nguyễn Đình Thi đã sáng tác bài thơ này trong một thời gian dài từ

1948 – 1955. Phần đầu khơi nguồn cảm hứng từ 2 bài thơ “Sáng mát trong” (1948) và “Đêm mít tinh” (1949).

Chủ đề

Bài thơ nói lên lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc; nghĩ về đất nước theo chiều dài lịch sử; tầm cao của giống nòi;

quyết chiến đấu và hy sinh để bảo vệ và xây dựng đất nước yêu quý.

Những vần thơ hay, những tình cảm đẹp

1. Yêu những mùa thu quê hương:

- Mùa thu Hà Nội quá vắng đẹp mà buồn: “Những phố dài xao xác
hơi may Người ra đi đầu không
ngoảnh lại
Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy”.
- Mùa thu chiến khu, đất nước và con người dào dạt một sức sống và niềm vui thiết tha:
“Gió thổi rừng tre phấp
phới. Trời thu thay áo
mới
Trong biếc nói cười thiết tha”

Cả đất trời “mát trong” ngào ngạt “hương cỏm mới” mang theo trong làn gió thu nhẹ:
“Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cỏm mới”

Cái hay của đoạn thơ là giàu cảm xúc hoài niệm hiện về trong hiện tại, “những ngày thu đã xa” sống lại trong “mùa thu này”,
tạo nên chất thơ ngọt ngào.

2. *Đất nước hùng vĩ tráng lệ.* Vui sướng tự hào trong tâm thế của người chiến sĩ *đang làm chủ đất nước.* Diễn đạt trùng

điệp khẳng định tạo nên âm điệu hào hùng, đỉnh đặc:

“Trời xanh *đây là của*
chúng ta Núi rừng *đây là*
của chúng ta Những
cánh đồng *thơm mát*
Những ngã đường *bát*
ngát
Những dòng sông *đỏ nặng* phù sa”

Các tính từ - vị ngữ: “Xanh, thơm, mát, bát ngát, đỏ nặng - gọi tả vẻ đẹp vĩnh hằng ngàn đời của núi sông thân

yêu.

3. Một đất nước anh hùng, một dân tộc kiên cường bất khuất. Tổ tiên như truyền thêm sức mạnh Việt Nam cho con cháu ngày nay để ngẩng cao đầu **“đi tới và làm nên thắng trận”**:

“Nước chúng ta
Nước những người không bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về”.

Phủ định để khẳng định một chân lý lịch sử **“Chưa bao giờ khuất”**. Chữ dùng rất hay, đem đến nhiều liên tưởng: “rì rầm”,
“vọng nói về”.

4. Xót xa căm giận quân xâm lược đang giày xéo quê hương đất nước: “Ôi những cánh đồng quê chảy máu – Dây thép gai đâm nát trời chiều”. Thương xót nhân dân lầm than, đau khổ, tủi nhục: “Bát cơm chan đầy nước mắt”; bị áp bức, bị bóc lột dã man:

“Thằng giặc Tây, thằng chúa đất
Đứa đè cổ, đứa lột da”.

5. Đất nước đã quật khởi đứng lên kháng chiến. Cả dân tộc bừng bừng khí thế xung trận. Thế trận nhân dân với những anh hùng áo vải đã và đang đem xương máu gánh vác lịch sử, đang “ôm đất nước”. Giọng thơ mang âm điệu anh hùng ca:

“Khói nhà máy cuộn trong
sương núi Kèn gọi quân văng
vẳng cánh đồng Ôm đất nước
những người áo vải
Đã đứng lên thành những anh hùng”

Trong “nắng đốt” và “mưa dột”, trên những bước đường thấm máu “hy sinh”, nhân dân ta vẫn lạc quan, tin tưởng nghĩ về
“trời đất mới”:

“Lòng ta bát ngát ánh bình minh”

Khổ cuối, tác giả sử dụng thơ lục ngôn diễn tả tư thế chiến đấu và chiến thắng lẫm liệt, hào hùng của quân và dân ta trong máu lửa. Thế “vỡ bờ” là thế đứng sức mạnh và đi lên của dân tộc ta:

“Súng nổ rung trời
giận dữ Người lên
như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ
máu lửa Rũ bùn đứng
dậy sáng loà”.

Vài nét về nhà thơ

- Sinh năm 1920, ông tính tuổi mình: “Liên Xô nở trước đời tôi ba tuổi”.
- Là đứa con của “Huế đẹp và thơ”, như ông viết:
“Hương Giang ơi, dòng sông êm, Qua tìm
ta, vẫn ngày đêm tự tình”

(*Bài ca quê hương*)

- 19 tuổi đã trở thành đảng viên Đảng Cộng sản, tiếp tục hoạt động bí mật chống Pháp - Nhật.
- Sau Cách mạng, ông phụ trách công tác Văn nghệ, là cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước.
- Tố Hữu là nhà thơ lớn của đất nước ta. Hơn nửa thế kỷ làm thơ, năm 70 tuổi ông viết:

“Bạc phơ mái tóc, mây đưa mộng
Thanh bạch hồn thơ, nắng nở hoa”.

(“Bảy mươi” – 10/1990)

Tác phẩm thơ

1. “Tù ấy”, (1937 – 1946)
2. “Việt Bắc” (1954)
3. “Gió lộng” (1961)
4. “Ra trận” (1972)
5. “Máu và hoa” (1977)
6. “Một tiếng đờn” (1979 – 1992)

Phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu

ta.

- Tố Hữu là nhà thơ *trữ tình chính trị* thể hiện nồng nhiệt tự hào lý tưởng cách mạng, đời sống cách mạng của nhân dân

- Tố Hữu là nhà thơ của *lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn. Khuynh hướng sử thi, cái tôi trữ tình – cái tôi chiến*

sĩ mang tâm vóc hoành tráng, màu sắc lịch sử được diễn tả bằng bút pháp thần thoại hóa, hình tượng thơ kì vĩ, tráng lệ.

- Nét đặc sắc trong thơ Tố Hữu là *có giọng điệu riêng*. Thơ liền mạch, nhất khí tự nhiên, *giọng tâm tình, ngọt ngào tha thiết*.

Nghệ thuật thơ Tố Hữu *giàu tính dân tộc*. Phối hợp tài tình ca dao, dân ca các thể thơ dân tộc và “thơ mới”. Vận dụng

biến hoá cách nói, cách cảm, cách so sánh ví von rất gần gũi với tâm hồn người. Phong phú vần điệu, câu thơ mượt mà, dễ

thuộc dễ ngâm.

“Việt Bắc”, “Nước non ngàn dặm”, “Theo chân Bác”... là những bài thơ tuyệt bút của Tố Hữu.

Xuất xứ

Sau chiến thắng Điện Biên, hiệp định Geneve được ký kết, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Hồ Chủ tịch và Chính

phủ kháng chiến trở về thủ đô Hà Nội tháng 10/1945. Nhân dịp này Tố Hữu viết bài thơ “Việt Bắc”.

Một vài điều cần biết qua

1. Việt Bắc là vùng địa lý - chiến khu bao gồm 6 tỉnh, được gọi tắt là: Cao-Bắc-Lạng-Thái-Tuyên-Hà. Trong 9 năm kháng chiến, Việt Bắc là chiến khu, là *thủ đô* của Chính phủ kháng chiến và Hồ Chủ tịch.

2. Bài thơ được viết theo thể thơ lục bát gồm 150 dòng thơ (câu thơ). Cấu trúc theo hình thức đối đáp của lối hát giao duyên trong dân ca giữa “mình” với “ta”. (Sách Văn 12 chỉ trích học 88 dòng thơ)

Những ý lớn của bài thơ

- Những kỷ niệm ân tình sâu nặng một thời gian khổ
- Nhớ con người Việt Bắc
- Nhớ cảnh Việt Bắc trong 4 mùa
- Nhớ chiến khu Việt Bắc oai hùng
- Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền.

Những tình cảm đẹp, những vần thơ hay

1. *Hai mươi câu đầu là lời nhắn gửi, những câu hỏi của “ta” (người ở lại nhắn gửi hỏi “mình” (người về)).* Cảnh

tiễn đưa, cảnh phân ly ngập ngừng, lưu luyến băng khuâng: “Tiếng ai tha thiết bên cồn... áo chàm đưa buổi phân li...” Có 8

câu hỏi liên tiếp (đặt ở câu 6): “Có nhớ ta... có nhớ không... có nhớ những ngày... có nhớ những nhà... có nhớ núi non...

mình có nhớ mình...” Sự láy đi láy lại diễn tả nỗi niềm day dứt khôn nguôi của người ở lại. Bao kỷ niệm sâu nặng một thời gian khổ như vương vấn hồn người:

(...) **Mình** đi có nhớ, những ngày
Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù
Mình về có **nhớ** chiến khu
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai
Mình đi có **nhớ** những nhà
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son...

Các câu 8 hầu như ngắt thành 2 vế tiểu đối 4/4, ngôn ngữ thơ cân xứng, hài hòa, âm điệu thơ êm ái, nhịp nhàng, nhạc điệu ngân nga thấm sâu vào tâm hồn người, gợi ra một trường thương nhớ, lưu luyến mênh mông.

“Mình” và “ta” trong ca dao, dân ca là lứa đôi giao duyên tình tự. “Mình”, “ta” đi vào thơ Tố Hữu đã tạo nên âm điệu trữ

tình đậm đà màu sắc dân ca, nhưng đã mang một ý nghĩa mới trong quan hệ: người cán bộ kháng chiến với đồng bào Việt

Bắc; tình quân dân, tình kẻ ở người về.

2. Sáu mươi tám câu tiếp theo là người về trả lời kẻ ở lại. Có thể nói đó là khúc tâm tình của người cán bộ kháng chiến, của người về. Bao trùm nỗi nhớ ấy là “như nhớ người yêu” trong mọi thời gian và tràn ngập cả không gian:

- Nhớ cảnh Việt Bắc, cảnh nào cũng đầy ắp kỷ niệm:

“Nhớ từng bản khói cùng sương,
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về
Nhớ từng rừng nứa bờ tre,
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy”

- **Nhớ con người Việt Bắc giàu tình nghĩa cần cù gian khổ:**

“... Nhớ bà mẹ nắng cháy lưng
... Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang
... Nhớ cô em gái hái măng một mình
... Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung”

Điều đáng nhớ nhất là nhớ người ở lại rất giàu tình nghĩa, “đậm đà lòng son”:

“Thương nhau chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng”

Nhớ cảnh 4 mùa chiến khu. Nỗi nhớ gắn liền với tình yêu thiên nhiên, tình yêu sông núi, đầy lạc quan và tự hào.

Nhớ cảnh

nhớ người, “ta nhớ những hoa cùng người”. Nhớ mùa đông “Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi”. Nhớ “Ngày xuân mở nở trắng rừng”. Nhớ mùa hè “Ve kêu rừng phách đổ vàng”. Nhớ cảnh “Rừng thu trăng rọi hòa bình”. Nỗi nhớ triền miên, kéo dài theo

năm tháng.

- **Nhớ chiến khu oai hùng:**

“Núi giăng thành lũy sắt dày,
Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù”

- **Nhớ con đường chiến dịch:**

“Những đường Việt Bắc của
ta, Đêm đêm rầm rập như là
đất rung. Quân đi điệp điệp
trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng
mũ nan. Dân công đỏ đuốc
tùng đoàn
Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay...”

Âm điệu thơ hùng tráng thể hiện sức mạnh chiến đấu và chiến thắng của quân và dân ta. Từ núi rừng chiến khu đến bộ đội, dân công, tất cả đều mang theo một sức mạnh nhân nghĩa Việt Nam thần kỳ quyết thắng.

- Nỗi nhớ gắn liền với niềm tin

“... (Nhớ) ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang

... Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi

... Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền”

- Nhớ Việt Bắc là nhớ về cội nguồn, nhớ một chặng đường lịch sử và cách mạng:

“Mười lăm năm ấy ai quên

Quê hương cách mạng dựng nên Cộng hòa”

Kính gửi cụ Nguyễn Du

Tố Hữu

Trong tập thơ “Ra trận” (1972) của Tố Hữu có bài “Kính gửi Cụ Nguyễn Du”. Bài thơ được viết vào 1/11/1965, trong dịp

nhà thơ đi công tác vào tuyến lửa miền Trung, thời đánh Mỹ ác liệt. Đó là một thời điểm rất đáng nhớ, khi ông “Nửa đêm qua huyện Nghi Xuân”, quê hương thi hào Nguyễn Du.

Bài thơ gồm có 34 câu lục bát, gần hình thức tập Kiều và lấy Kiều, tác giả đã nhắc lại 3 câu Kiều nguyên vẹn: “Dầu lửa ngó

ý, còn vương tơ lòng” {(2242)} , *Mai sau, dù có bao giờ...*, {(741)} và câu *“Đau đớn thay phận đàn bà...”* {(83)}, đồng thời lấy ra một số từ ngữ, giọng điệu của Nguyễn Du như “Tiền Đường”, “Ung, K huyển”, “Sở Khanh”, “ruồi xanh”, “hôi tanh”, “Hồi lò ng”, “Dòng trong đục”, “cánh bèo lênh đênh”, “kiếp phong trần”, “cờ đào”,... Nhờ thế, điệu thơ, hồn thơ, tình

thơ, tuy mới mẻ mà vẫn gần gũi thân quen, làm cho người đọc như cảm thấy tiếng nói Nguyễn Du, thơ Nguyễn Du, sau 200

năm vẫn còn đồng vọng.

Câu thơ thứ 2 “Bâng khuâng nhớ Cụ, thương thân nàng Kiều” là cảm hứng chủ đạo của bài thơ. “Nhớ Cụ” là nhớ tấm lòng nhân đạo, nhớ tài thơ của Nguyễn Du, nhớ cuộc đời mười năm gió bụi”, nhớ cuộc sống gian truân của “Nam Hải điều đồ”,

của “Hồng Sơn liệt hộ”. Câu thơ của Tố Hữu như nhắn gửi với bao buồn thương, man mác:

“Hồi lòng tê tái thương yêu

Giữa dòng trong đục, cánh bèo lênh đênh”

Đặc biệt trong bài thơ này, nhiều câu thơ mang tính “lưỡng ngôn”, Tố Hữu vừa nói với Nguyễn Du, vừa đối thoại với nhân

vật Thúy Kiều. Đoạn thơ sau đây như làm sống lại một quãng đời đầy bi kịch của Kiều trong đêm “trao duyên”, trước ngày

báo ân báo oán, khi bị ép lấy viên thổ quan, quá đau khổ, Kiều phải nhảy xuống sông Tiền Đường tự tử:

“Ngón ngang bên nghĩa bên tình

Trời đêm đâu biết gửi

mình nơi nao? Ngẩn ngơ

trông ngọn cờ đào

Đành như phận gái sóng xao Tiền Đường”.

Câu thơ “Trời đêm đâu biết gửi mình nơi nao” nhắc lại cảnh hãi hùng Kiều trốn khỏi nhà Hoạn Thư, để sau đó lại rơi vào

tay Bạc Bà Bạc Hạnh. “Ngọn cờ đào” là của Từ Hải: “Ba quân chỉ ngọn cờ đào - Đạo ra Vô Tịch, đạo vào Lâm Trĩ”. “Ngẩn ngơ” là tâm trạng Kiều trong những tháng ngày lưu lạc, cũng là tâm trạng của Nguyễn Du trước thời cuộc khi Tây Sơn ra Bắc

Hà. Và “ngọn cờ đào” ấy cũng có thể là của người anh hùng Nguyễn Huệ: “Mà nay áo vải cờ đào – Giúp dân dựng nước biết

bao công trình” (Ai tư vãn)?

Càng thương nàng Kiều, nhà thơ lại càng đồng cảm với Nguyễn Du: “Nỗi niềm xưa, nghĩ mà thương” Thương cho tình duyên Kiều bị đứt đoạn, trầm gầy bình tan “Dầu lửa ngó ý, còn vương tơ lòng”. Thương